TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/KDTM-ST.
Ngày: 25/7/2019.
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Tự
2. Ông Nguyễn Tiến Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân Quận 1 Tp Hồ Chí Minh. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 185/2018/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2470/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2792/2019/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển T.

Trụ sở: Bà Huyện Thanh Quan, Phường 6, Quận 3 Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn D, sinh năm 1975, có cùng địa chỉ trên.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1976.

Thường trú: Lê Quý Đôn, phường 6 Quận M Tp Hồ Chí Minh (bà Nguyễn Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH S Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 18, Phòng 18-01, số 561 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22 quận Bình Thạnh Tp Hồ Chí Minh (ông C vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Công ty TNHH B.

Trụ sở: số 628C xa lộ Hà Nội, phường An Phú, Quận 2 Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lý Hoàng M, sinh năm 1992, ông Quách V , sinh năm 1991.

Địa chỉ: Lê Lợi, phường Bến Nghé Quận 1 Tp Hồ Chí Minh, (ông V, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Công ty cổ phần tư vấn Thiết kế X.

Trụ sở: Ung Văn Khiêm, phường 25 quận A, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Thanh H.

Địa chỉ: Nguyễn Thị Định, khu phố 2, phường T, Quận 2 Tp Hồ Chí Minh, (ông H có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Công ty TNHH Q.

Trụ sở: Mạc Đĩnh Chi, phường ĐaKao Quận 1 Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Vân Ng, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thanh Nga, KDC Gia Hòa, phường Phước Long B, Quận 9 Tp Hồ Chí Minh,(bà Ng có yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng.

- Ông Trần Bá, sinh năm 1985. Chức vụ: Giám đốc dự án của bị đơn (ông Bá có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư Hoàng Anh An Tiến, Phương P, huyện N, Tp Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Đăng, sinh năm 1975. Chức vụ: chuyên gia giám sát dự án của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Xây dựng,(ông Đăng có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phạm Văn Hai, Phường 3, quận Tx Tp Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn V, sinh năm 1990. Chức danh quản lý dự án của Công ty TNHH Vina QS, (ông V có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Trần Quang Khải, TX Tây Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH S ViỆT Nam (Bên bị đơn) đồng ý giao và công ty TNHH Đầu tư và Phát triển T (Bên nguyên đơn) đồng ý nhận thực hiện gói thầu như sau:

1. Thi công bề mặt ram dốc bằng sika, theo hợp đồng thầu phụ số: SWC/SA9-002/LOA-185. Giá trị hợp đồng gốc là : 335,580,000 (đồng).

2. Thi công và hoàn thiện đường nội bộ, theo hợp đồng thầu phụ số: SWC/SA9-002/LOA-203. Trong đó bao gồm giá trị hợp đồng gốc là: 3,749,267,800 (đồng) và giá trị phát sinh là: 2,831,128,581 (đồng).

3. Thi công công tác tường gạch ở tầng 20-21 của Tòa B, theo hợp đồng thầu phụ số: SWC/SA9-002/LOA- 224. Trong đó bao gồm giá trị hợp đồng gốc là: 2,497,000,000 (đồng) và giá trị phát sinh là: 566,139,479 (đồng).

Địa chỉ thực hiện thi công tại dự án D1mension, trước đây gọi là dự án Shining, số 608 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là dự án D1 Mension).

Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển T đã hoàn thành khối lượng công việc trị giá là: 9,680,499,424

đồng *(chín tỉ, sáu trăm tám mươi triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*, bao gồm hai phần sau đây:

A. Phần Giá trị: 7,230,399,424 đồng *(bảy tỉ, hai trăm ba mươi triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng) và* đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng VAT.

(a). Bên bị đơn đã thanh toán số tiền: 1,986,000,000 đồng *(một tỉ, chín trăm tám mươi sáu triệu đồng).*

(b). Bên bị đơn còn nợ: 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).*

B. Phần giá trị: 2,450,100,000 đồng *(hai tỉ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng)*, khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu chất lượng và xác nhận khối lượng bởi cá nhân có thẩm quyền do Công ty TNHH S Việt Nam bổ nhiệm phụ trách quản lý thi công dự án là:

- Ông Trần Bá – Giám đốc dự án - điện thoại: 0971 062 …
- Ông Nguyễn Hoàng – Chỉ huy trưởng - điện thoại: 0903 341 …
- Ông Lưu Đình – Kỹ sư khối lương – điện thoại: 0982 814 ...

Nhưng cho đến nay bị đơn đã vi phạm hợp đồng được ký kết và cố tình không thanh toán cho nguyên đơn số nợ còn lại tổng cộng là: 7,694,499,424 *đồng (bảy tỉ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án: Buộc Công ty TNHH S Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển T số tiền còn nợ là: 7,694,499,424 *đồng (bảy tỉ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH B trình bày: Công ty TNHH B là chủ đầu tư, có ký hợp đồng thi công xây dựng với bị đơn Công ty TNHH S Việt Nam tại dự án D1mension. Đơn vị giữ vai trò kiểm tra, giám sát và quản lý chất lượng, khối lượng công việc cho Chủ đầu tư là Công ty X và Công ty TNHH Q.

Hai công ty này do Công ty TNHH B và bị đơn thỏa thuận theo hợp đồng. Quy trình nghiệm thu công việc và thanh toán được thực hiện như sau: trong quá trình bị đơn Công ty TNHH S Việt Nam thi công sẽ có sự kiểm tra, giám sát, phê chuẩn số lượng, khối lượng công việc của Công ty X và Công ty TNHH Q. Căn cứ vào kết quả phê duyệt này, Công ty TNHH B sẽ thanh toán tiền theo hợp đồng cho bị đơn. Công ty TNHH B đã thanh toán đầy đủ tiền cho bị đơn. Công ty TNHH B chỉ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nhà thầu phụ được chỉ định theo như hợp đồng đã ký với bị đơn. Công ty đề nghị Tòa án không đưa Công ty TNHH B vào tham gia tố tụng. Lý do, Công ty TNHH B không ký hợp đồng xây dựng với nguyên đơn và việc đưa công ty vào tham gia tố tụng sẽ ảnh hưởng đến uy tín của nhà đầu tư. Người đại diện của Công ty B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH X có ông Bùi Thanh H trình bày:

Công ty X có ký hợp đồng dịch vụ tư vấn giám sát xây dựng với Công ty TNHH B tại dự án D1mension. Công ty có cử ông Nguyễn Đăng với tư cách là chuyên gia giám sát công trình. Đơn vị thi công là nguyên đơn Công ty TNHH đầu tư và Phát triển T. Toàn bộ hồ sơ giám sát của dự án này, Công ty đã giao cho Công ty TNHH B. Ông H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH Q có bà Lê Vân Ng trình bày:

Công ty TNHH Q có ký hợp đồng tư vấn quản lý hợp đồng - quản lý khối lượng với Công ty TNHH B tại dự án D1mension. Công ty có cử ông Nguyễn Văn C tham gia quản lý kỹ thuật tại dự án. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đánh giá khối lượng công việc của bị đơn trên công trường. Kết quả việc đánh giá chất lượng là cơ sở để Công ty TNHH B thanh toán cho bị đơn. Bà Ng có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người làm chứng, ông Trần Bá trình bày: Ông có ký hợp đồng lao động với bị đơn và được giao nhiệm vụ làm giám sát dự án D1mension. Ông là người chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc và ký biên bản nghiệm thu mà nguyên đơn đã thi công thực tế là bao nhiêu %. Cùng xác nhận khối lượng % công việc do nguyên đơn đã thực hiện là các ông Nguyễn Văn, Nguyễn Hoàng, Võ Thành . Sau khi nguyên đơn hoàn thành xong công việc, ông ký Biên bản nghiệm thu % này. Ký xong, ông giao cho Phòng hợp đồng của bị đơn. Trên công trường, ông biết ông Nguyễn D là người phụ trách đơn vị thi công của nguyên đơn, ông Nguyễn Đăng là chuyên gia tư vấn giám sát cho chủ đầu tư Công ty TNHH B. Ông xác nhận Nguyên đơn đã thi công các hạng mục dưới đây:

1) Làm đường nội bộ(theo bản vẽ).
2) Xây tô tường tầng 20 và 21.
3) Đổ và cải tạo kết cấu tầng 20 và 21.
4) Lấp các lỗ hiện hữu tầng 20 và 21.
5) Cải tạo mương hở và nắp mương (Block A và 1 phần Block B).
6) Đổ chân cơ(gờ) để lắp lan can (lầu 9 đến lầu 19).
7) Lấp các lỗ tầng kỹ thuật.
8) Ốp lát, sửa chữa tường, xây tường gạch, phòng tắm vệ sinh tầng 2, Block

Vì điều kiện công việc, ông Thanh xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người làm chứng, ông Nguyễn Đăng trình bày:

Ông là tư vấn giám sát thuộc Công ty X phụ trách dự án D1 Mension. Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 7 năm 2018, bị đơn có chỉ định ông Trần Bá làm giám đốc dự án để làm việc cùng với ông trong việc xác nhận khối lượng công việc cho bị đơn. Ông xác nhận, Nguyên đơn có thi công các hạng mục sau với bị đơn:

1) Làm đường nội bộ(theo bản vẽ).
2) Xây tô tường tầng 20 và 21.
3) Đổ và cải tạo kết cấu tầng 20 và 21.

4) Lấp các lỗ hiện hữu tầng 20 và 21.

5) Cải tạo mương hở và nắp mương (Block A và 1 phần Block B).

6) Đổ chân cơ(gờ) để lắp lan can (lầu 9 đến lầu 19).

7) Lấp các lỗ tầng kỹ thuật.

8) Ốp lát, sửa chữa tường, xây tường gạch, phòng tắm vệ sinh tầng 2, Block B.

Mỗi tháng ông đều xác nhận khối lượng cho bị đơn để bị đơn làm hồ sơ gửi Công ty Q. Sau đó Công ty Q sẽ làm việc với chủ đầu tư để thanh toán tiền cho bị đơn. Vì điều kiện công việc ông Đăng xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người làm chứng, ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông ký hợp đồng lao động với Công ty Q với chuyên môn là kỹ sư quản lý khối lượng cao cấp. Ông được phân công quản lý khối lượng thanh toán cho dự án D1 Mension. Ông và ông Nguyễn Đăng cùng là tư vấn và chịu trách nhiệm độc lập tại dự án cho Chủ đầu tư. Trong 8 hạng mục mà nguyên đơn thực hiện, ông chỉ thực hiện các hạng mục từ 1 đến 5. Vì điều kiện công việc ông C xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án nhân dân Quận 1 cần lưu ý về thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phần giá trị: 2,450,100,000 đồng *(hai tỉ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng)* khối lượng công việc hoàn thành mà nguyên đơn đã thi công cho bị đơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5,244,399,424 đồng (năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển T khởi kiện Công ty TNHH S Việt Nam về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng đối với các hợp đồng thầu phụ tại dự án D1mension. Hội đồng

xét xử nhận định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng xây dựng" theo quy định tại Điều 138 của Luật Xây dựng năm 2014.

[1.2]. Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết vụ án, căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm g, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 Tp Hồ Chí Minh.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Vào các ngày 08/01/2018; 01/3/2018 và ngày 10/5/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thi công thầu phụ. Ngày 19/12/2018 Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng này. Căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[1.4]. Về việc tham gia và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa những người đại diện của Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 1 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.5] Đối với yêu cầu của người đại diện Công ty TNHH B đề nghị Tòa án không đưa Công ty vào tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty TNHH B là chủ đầu tư dự án, bị đơn là nhà thầu chính đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia và không có ý kiến gì trong suốt quá trình tố tụng. Nhận thấy, việc giải quyết vụ án liên quan đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó Tòa án phải đưa Công ty TNHH B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm 4, khoản 1 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.6] Ngày 03/7/2019 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Nguyên đơn rút yêu cầu Phần giá trị: 2,450,100,000 đồng *(hai tỉ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng)*, khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu chất lượng và xác nhận khối lượng bởi cá nhân có thẩm quyền do Công ty TNHH S Việt Nam bổ nhiệm phụ trách quản lý thi công dự án.

[1.7] Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*. Đây là số tiền nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn theo đúng hợp đồng đã ký giữa hai bên.

[1.8] Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung.

[2.1]. Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2019 tại Tòa án, cho thấy Chủ đầu tư dự án D1mension là Công ty TNHH B. Ngày 02/12/2016 Công ty TNHH B có ký hợp đồng thầu chính với bị đơn Công ty TNHH S Việt Nam. Nội dung của Hợp đồng là bị đơn thi công, hoàn thiện và bảo trì trong thời hạn nhận thông báo lỗi đối với các hạng mục công việc trong hợp chính của dự án trên đây. Việc thanh toán giữa Chủ đầu tư với bị đơn được thực hiện trên cơ sở đánh giá khối lượng phần trăm công việc có sự phê duyệt của:

- Giám đốc dự án của bị đơn là ông Trần Bá;
- Ông Nguyễn Văn C (kỹ sư quản lý khối lượng cao cấp của Công ty TNHH Q, thực hiện hợp đồng giám sát dự án cho chủ đầu tư).
- Ông Nguyễn Đăng là kỹ sư tư vấn giám sát của Công ty cổ phần tư vấn Thiết kế X (Cideco), thực hiện hợp đồng giám sát dự án cho chủ đầu tư.

Công ty TNHH B đã thanh toán đầy đủ số tiền đã ký như hợp đồng cho bị đơn.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*.

Ngày 08/01/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thầu phụ có nội dung thi công, hoàn thiện và bảo trì trong thời hạn nhận thông báo lỗi đối với các hạng mục công việc trong hợp đồng chính của dự án D1mension. Công việc phải làm là Thi công bề mặt ram dốc bằng sika, theo hợp đồng thầu phụ số: SWC/SA9-002/LOA-185. Giá trị hợp đồng gốc: 335,580,000 (đồng).

Ngày 12/3/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thầu phụ số SWC/SA9-002/LOA-203. Trong đó bao gồm giá trị hợp đồng gốc là: 3,749,267,800 (đồng) và giá trị phát sinh là: 2,831,128,581 (đồng). Nội dung là thi công và hoàn thiện đường nội bộ, tường bao của dự án D1 Mension.

Ngày 16/5/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thầu phụ có nội dung thi công, hoàn thiện và bảo trì trong thời hạn nhận thông báo lỗi đối với các hạng mục công việc trong hợp đồng chính của dự án D1mension. Công việc phải làm là Thi công công tác tường gạch ở tầng 20-21 của Tòa B, theo hợp đồng thầu phụ số: SWC/SA9-002/LOA- 224. Trong đó bao gồm giá trị hợp đồng gốc là: 2,497,000,000 (đồng) và giá trị phát sinh là: 566,139,479 (đồng).

Tổng giá trị của 3 hợp đồng là 9.680.499.424 đồng.

[2.3] Nguyên đơn đã xuất các hóa đơn sau cho bị đơn:

1. Hóa đơn VAT ký hiệu TM/18P số 00000 10 ngày 24/8/2018.
2. Hóa đơn VAT ký hiệu TM/18P số 000 000 3 ngày 11/5/2018.
3. Hóa đơn VAT ký hiệu TM/18P số 000 000 2 ngày 09/4/2018.
4. Hóa đơn VAT ký hiệu TM/18P số 000 000 9 ngày 24/8/2018.
5. Hóa đơn VAT ký hiệu TM/18P số 000 000 6 ngày 15/6/2018.
6. Hóa đơn VAT ký hiệu TM/18P số 000 000 5 ngày 15/6/2018.

Căn cứ văn bản số 5598/CCT-KT ngày 19/6/2019 của Chi cục thuế Quận 3 thì tất cả các hóa đơn trên đây đã được nguyên đơn kê khai đầy đủ.

Căn cứ bảng báo giá các hạng mục cải tạo, thi công giữa nguyên đơn và bị đơn theo hợp đồng, khối lượng phần trăm công việc nguyên đơn thực hiện đã được các ông Nguyễn Văn, Nguyễn Hoàng, Võ Thành và ông Trần Bá là giám đốc dự án của bị đơn ký xác nhận. Căn cứ phần trăm khối lượng công việc đã hoàn thành, nguyên đơn thực hiện áp giá như đã thỏa thuận và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn.

[2.4] Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng VAT cho bị đơn với tổng số tiền 7,230,399,424 đồng *(bảy tỉ, hai trăm ba mươi triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*. Bị đơn đã thanh toán: 1,986,000,000 đồng *(một tỉ, chín trăm tám mươi sáu triệu đồng)* cho nguyên đơn.

Như vậy bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền: 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*.

[2.5] Xét, căn cứ lời khai của người làm chứng là các ông Trần Bá (làm giám đốc dự án của bị đơn), ông Nguyễn Đăng (là chuyên gia tư vấn giám sát của Công ty X) ông Nguyễn Văn C là tư vấn giám sát của Công Q xác nhận, có đủ cơ sở khẳng định nguyên đơn đã xây dựng như đúng các hạng mục đã thỏa thuận với bị đơn.

[2.6] Để làm rõ và cụ thể các hạng mục mà nguyên đơn đã xây dựng, Tòa án đã cho các bên tiến hành đối chất. Tại biên bản đối chất ngày 27/3/2019 ông Trần Bá là giám đốc dự án của bị đơn và ông Nguyễn D là đại diện nguyên đơn đều đã xác nhận nguyên đơn làm đúng các hạng mục nêu trên.

[2.7] Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn C là kỹ sư giám sát của Công ty TNHH Q, ông C xác nhận: ông có quản lý và đánh giá khối lượng các hạng mục do bị đơn thực hiện trên đây. Trên công trường, ông có biết ông Nguyễn Đăng. Ông Đăng là kỹ sư giám sát của Công ty X cùng ông chịu trách nhiệm giám sát các hạng mục mà nguyên đơn thực hiện.

[2.8] Tại biên bản đối chất ngày 29/3/2019, ông Nguyễn Đăng xác nhận có cùng ông Nguyễn D là người trực tiếp thi công các hạng mục trên công trường. Sau khi nghiệm thu xong khối lượng, chất lượng công trình, ông giao lại hồ sơ cho bị đơn thực hiện thanh toán với chủ đầu tư.

Từ tất cả các chứng cứ trên đây, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*.

[2.9] Đối với việc rút một phần yêu cầu đơn kiện, giá trị: 2,450,100,000 đồng *(hai tỉ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng)*, khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu chất lượng và xác nhận khối lượng bởi cá nhân có thẩm quyền của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ Khoản 2 Điều 244 Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút này.

[2.10] Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên số tiền phong tỏa trong Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 78/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 Tp Hồ Chí Minh được điều chỉnh là 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)*.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu trên số tiền không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, Điều 68, Điều 91, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 138, 139, 141, 143, 144 của Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển T về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam phải trả số tiền chưa thanh toán là 2,450,100,000 đồng *(hai tỉ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng)*. Nếu có tranh chấp thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển T có quyền khởi kiện đòi lại số tiền này theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển T số tiền 5,244,399,424 đồng *(năm*

tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 78/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 Tp Hồ Chí Minh, tổng số tiền phong tỏa trong quyết định là 5,244,399,424 đồng *(năm tỉ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)* cho đến khi thi hành án xong. Giao cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, tài sản bị phong tỏa theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam phải chịu án phí sơ thẩm là: 113.244.399 đồng.

Trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển T số tiền tạm ứng đã nộp là 57.847.250 đồng theo biên lai thu tiền T số 0023923 ngày 20/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 Tp Hồ Chí Minh.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Cành